

Former Political Prisoners of Communist Vietnam Association
HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interred in re-education camp in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN-VĂN-TU
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: NAM, Date of Birth 1928, Place of birth Cầu Long
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit Quân Đội Pháp
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: Bị bắt ngày 21/6/1978
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Quảng 10, Chí Hòa, Trại Xuyên Mộc
(Tên, địa điểm các trại giam) THC
3. Date of release or still in camps: Giải thoát ngày 30-8-82
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Có vợ
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
L. NGUYỄN THỊ LIÊN V.O. Sinh năm 1930
3. Address of family: 119/5 tổ 6B Phường 9 Quận 10
(Địa chỉ gia đình) TP HỒ CHÍ MINH

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYỄN-VĂN-TU, Occupation: TÀI XẾ
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: 119/5 tổ 6B Phường 9 Quận 10
(Địa chỉ và điện thoại) TỔ 63 TP HỒ CHÍ MINH
3. Relationship with detainee
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☒ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông/Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: _____
(Ngày, tháng, năm)

NGÀY 19-12-89

Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

NGUYỄN-VĂN-TU

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684 0635

Dinh Kiem 1- Giay Sa Trại
2- Lanh bat.

13/9 424

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Xuyên mào**

Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Số **530** GRT

(18)

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số **167** ngày **30** tháng **8** năm **82**

của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Họ, tên thường gọi **Nguyễn Văn Tư**

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm **1928**

Nơi sinh **Trà vinh**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HƯỞNG QUYỀN
ĐÁTRÌNH DIỆN: ngày 13 tháng 9 năm 1982
Quản Chá

505

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **119/5 Bà hat Phường 8 Quận 10 tp/Hồ Chí Minh**

Can tội **Nhện nhóm tổ chức phản cách mạng**

Bị bắt ngày **21/6/1978** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án số **6765** ngày **10** tháng **10** năm **78** của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **Trú quán trên**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu, tỏ ra an tâm khai báo tường đối thành khẩn, luôn hoàn thành chỉ tiêu mức khoán được giao. Tham gia học tập đê, ý thức thái độ nghiêm túc, tinh thần phê và tự phê chưa cao. Chấp hành nội quy kỷ luật chưa thấy sai phạm gì lớn. Cải tạo hàng năm từ trung bình đến khá, Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ.

Lần tay ngón trỏ phải

Của **Nguyễn văn Tư**

Danh bản số **2451**

Lập tại **CA Quận 10**

Đặt tên, chữ ký người được cấp giấy

Tư

Nguyễn văn Tư

Ngày **6** tháng **9** năm **19 82**



Thiếu tá **Bùi văn Dênh**

Đến tận địa chỉ tạo ra và

ngày 7-9-1982

Trần Văn Bân



Trần Văn Bân

Viện trưởng Viện Minh
Long An Quận 10
02/06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-X-X-X-X-X-X-

() IÊN BẢN BẮT , KHÁM XÉT

Năm một nghìn chín trăm 78 tháng 06 ngày 21
hỏi 8 giờ 30 tại: Đã nhà 119/5 bà Hai

Thi hành lệnh bắt giam số: 03 / LB ngày 15 tháng 03
năm 1976 và lệnh khám xét số: 03 ngày 21 tháng 06 năm 1978
của: Công an Quận 10

Bị can: Nguyễn Văn Đức bí danh: _____
Sinh ngày: _____ tháng: _____ năm: 1928
Quốc tịch: Việt Nam dân tộc: Vinh Tôn giáo: Thiên Chúa
Sinh quán: Lập Ngạc Xã Vĩnh
Trú quán: 119/5 đường bà Hai phường 8 Q10
Nghề nghiệp: Tài xế
Can tội: Cung cấp bom mìn mìn từ Chùa gần
cách mạng

Tôi: Nguyễn Văn Hùng chức vụ: Lưu bị

Và có ông, bà: Đã Minh Thanh là vợ của Minh là dân cư
ở phường 8 Q10

chứng kiến để thi hành lệnh bắt và khám xét nói trên.

Sau khi tôi đã giới thiệu và yêu cầu:

Nguyễn Văn Đức là vợ của Minh của Nguyễn Văn Đức

Để tôi gặp: Nguyễn Văn Đức

Sau khi kiểm tra căn cước, xác định đúng người này là:

Nguyễn Văn Đức có tên trong lệnh bắt và ở tại địa điểm
trên, tôi đã tuyên bố lệnh bắt bị can:

Sau khi tuyên bố lệnh bắt thì thái độ bị can:

Nguyễn Văn Đức chấp hành lệnh không cự cãi

Thái độ của thân nhân: Nghiêm chỉnh chấp hành

Sau khi bắt buộc, ông hay bà: Nguyễn Thị Liên

là: lê Chanh

Cùng đi với chúng tôi khám xét: Lưu hình đồ vật trong nhà

thì thấy có những vật kể dưới đây, nghi có liên quan đến vụ án(9)
(nếu có nhiều làm bằng kẻ riêng).

Sau khi khám xét chúng tôi không thu giữ một vật gì
của gia đình Nguyễn Văn Cư

Tôi đã tuyên bố tạm giữ những vật kể trên đưa về cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu giải quyết.

Thái độ của Ông, Bà: Chấp hành lệnh

Và trình bày như sau: kinh thỉnh thoảng sang thăm hỏi kết quả đường trục
của chúng tôi, nêu là tôi là thành viên cho các vật của tôi không
cho chúng tôi về đơn trục hỏi gia đình

Làm xong nhiệm vụ tôi không giữ 1 thứ gì khác, ông, bà:

Nguyễn Thị Liên

đã kiểm soát lại đồ vật trong: nhà

không mất mát, không hư hỏng một vật gì.

Việc bắt giữ và khám xét đã kết thúc vào hồi 09 giờ
ngày 21 tháng 06 năm 1978 kể trên.

Biên bản này đã đọc lại cho người nhà bị can và những người có tên kể trên cùng nghe đều công nhận là đúng, cùng ký tên dưới đây:

BỊ CAN

THÂN NHÂN

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH BẮT, KHÁM XÉT

Nguyễn Văn Cư

NGƯỜI LÀM CHỨNG

Sơn
Đoàn Thị Sơn
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

Nguyễn Minh Tuấn
NGƯỜI Ghi BIÊN BẢN

THÀNH

Đoàn Minh Tuấn

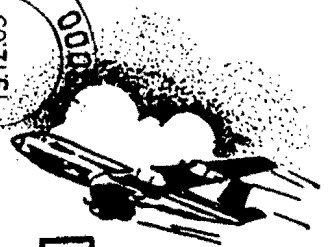
Đoàn Thị Sơn

Nguyễn Tuấn Hùng

VIET NAM
1955
BƯỞNG CHINH
TR

NGUYỄN-VĂN-TU
Số 63 Phường 9
Bà Hạt Quận 10
TP. HỒ CHÍ MINH
VIETNAM

TP. HỒ CHÍ MINH
1912.89
000



JAN 9 1990

To: Kinh gởi Bà
Khúc-Minh-Thò
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

AVION

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "ID"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

2/22/90

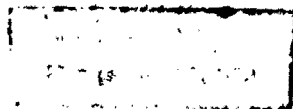
From, Nguyễn Văn Tử.
Số 119/5 Đường Bạch Đằng
Quận 10 TP. Hồ Chí Minh.
Vietnam.



VIET NAM

132300

CHINH
003



To: Bà. KHUOC MINH THO.
P.O. Box 5435 Arlington VA 22205,
0635 USA.



APR 0 9 1990

PAR AVION VIA AIR MAIL









CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **02267678**

Họ tên: **NGUYỄN VĂN FƯ**

Sinh ngày: **1928**

Nguyên quán: **Cửu Long**

Nơi thường trú: **119/5 Bà Hạt
P9, Q10, Tp. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Nốt ruồi đầu mày
phải**

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Nơi: **19 tháng 4 năm 1989**

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG

Trần Văn Chơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **02267678**

Họ tên: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Sinh ngày: **1928**

Nguyên quán: **Gũu Long**

Nơi thường trú: **119/5 Bà Hạt
P9, Q10, Tp. Hồ Chí Minh.**

Điền loại: **Kinh** Tôn giáo: **Thiên chúa**

ĐẤU VẾT KIỂNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi đầu mày
phải

Nơi: **19** tháng **4** năm **1989**

NGON TRỎ TRÁI NGON TRỎ PHẢI

TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đỗ Văn Chê



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020752023**

Họ tên **NGUYỄN THỊ LIÊN**



Sinh ngày **20-6-1930**

Nguyên quán **Châu Thành,**

Cửu Long.

Nơi thường trú **119/5 Bà Hạt,**
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

Nốt ruồi cách 1,7cm
dưới sẹo mép trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **15** tháng **2** năm **1979**

T. U. X. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Đã
Nguyễn Văn Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **02073-023**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ LIÊN**

Sinh ngày: **20-6-1930**

Nguyên quán: **Châu Thành,**

Cửu Long.

Nơi thường trú: **119/5 Bà Hạt,**
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

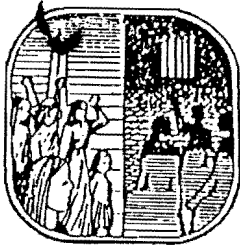
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 1,7cm
dưới sẹo mổ trái.

Ngày 15 tháng 2 năm 1979

T. U. Q. G. GIÁM ĐỐC ĐOÁC TRƯỞNG T. Y. CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10

Đoal
Nguyễn Văn Sỹ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN VĂN TU
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: Số 119/5 đường Bà Hạt phường 9, Q.10 TP Hồ Chí Minh.

Date of Birth: 1928 Place of Birth: Tỉnh Cần Long.

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) Tài xế, Hãng Driver Testing, Training ST
(Rank & Position) PHILCO FORD CORPORATION APO 96309.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 21.06.1978 To 30.08.1982.
(Thang - Ngay - Nam) Years: 04 Months: 01 Days: 9

3. SPONSOR'S NAME: Mr George H Lee Jr personnel Supervisor
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN VAN TU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI LIEN	20.06.1930	Vợ,

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

93' 119/5 đường Bà Hạt phường 9 Quận 10
TP Hồ Chí Minh

6. ADDITIONAL INFORMATION : /

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuyên mặc
Số 530 CRT
(18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập - Tự do - Hạnh phúc

13/9 424.
Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~trên~~ quyết định tha số 167 ngày 30 tháng 8 năm 82
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Họ, tên thường gọi Nguyễn Văn Tư

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1928

Nơi sinh Trà Vinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 119/5 Bà hát Phường 8 Quận 10 tp/Hồ Chí Minh.

Cán tội Nhện nhóm tổ chức phản cách mạng.

Bị bắt ngày 21/6/1978 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án số 6765 ngày 10 tháng 10 năm 78 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Trú quán trên.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu, tỏ ra an tâm khai báo tường đối thành khẩn, luôn hoàn thành chỉ tiêu mức khoán được giao. Tham gia học tập đều, ý thức thái độ nghiêm túc, tinh thần phê và tự phê chưa cao. Chấp hành nội quy kỷ luật chưa thấy sai phạm gì lớn. Cải tạo hàng năm từ trung bình đến khá. Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ.

Lần tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn Văn Tư

Danh bản số 2451

Lập tại CA Quận 10

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Tư

Nguyễn Văn Tư

Ngày 6 tháng 9 năm 1982



Thiền tá: Bùi Văn Dành

Đến tỉnh diện cải tạo tha về

ngày 7-9-1982

Hưng A 78



Trần Văn Bân

13/9 424

BỘ NỘI VỤ
Trại **Xuyên mặc**
Số **530** GRF
(18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~trên~~ quyết định tha số **167** ngày **30** tháng **8** năm **82**
của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh
Họ, tên thường gọi **Nguyễn Văn Tư**
Họ, tên bí danh
Sinh ngày **tháng** năm **1928**
Nơi sinh **Trà Vinh**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HTCT ĐƯỢC THA
ĐÃ TRÌNH DIỆN: ngày 13 tháng 9 năm 1982
Quản chế

505

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **119/5 Bà hát Phường 8 Quận 10 tp/Hồ Chí Minh**

Cán tội **Nhện nhóm tổ chức phản cách mạng**

Bị bắt ngày **21/6/1978** An phạt **TTCT**
Theo quyết định, án số **6765** ngày **10** tháng **0** năm **78** của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đã bị tăng án **lần**, cộng thành **năm** tháng
Đã được giảm án **lần**, cộng thành **năm** tháng
Nay về cư trú tại **Trú quán trên**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu, tỏ ra an tâm khai báo tường đối thành khẩn, luôn hoàn thành chỉ tiêu mức khoán được giao. Tham gia học tập đều, ý thức thái độ nghiêm túc, tinh thần phê và tự phê chưa cao. Chấp hành nội quy kỷ luật chưa thấy sai phạm gì lớn. Cải tạo hàng năm từ trung bình đến khá.
Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ.

Lần tay ngón trỏ phải
Của **Nguyễn Văn Tư**
Danh bản số **2451**
Lập tại **CA Quận 10**



Họ tên, chữ ký
người trực cấp giấy

[Signature]

Nguyễn Văn Tư

Ngày **6** tháng **9** năm **1982**

Giám thị
[Signature]

Thiếu tá: **Bùi Văn Dĩnh**

Đến tỉnh diện cải tạo tha về

ngày 7-9-1982

Trần Văn B.



Trần Văn B.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 660195 CN

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ LIÊN

Ấp, ngõ, số nhà: 119/5

Thị trấn, đường, phố: Mã 7 Bat

Xã, phường: Mã 1 3 27

Huyện, quận: Mã 01

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an Quận 10

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

CHỖ CHỖ CHỖ CHỖ CHỖ

CHỖ CHỖ CHỖ CHỖ CHỖ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Liên	chủ hộ	nữ	1930					
02	Nguyễn Văn Gớt	con	nam	5.5.1952	022596618				
03	Nguyễn Thị Thanh	con	nữ	17.8.1954					
04	Nguyễn Thị Ngọc Nga	con	nữ	23.1.1965					
05	Nguyễn Thanh Tâm	cháu nội	nam	19.12.1972					
06	Nguyễn Thị Thu Tâm	cháu nội	nữ	8.5.1975			01.10.1976		45.6.9k
07	Nguyễn Quốc Khoa	cháu ngoài	nam	29.5.1977			13.6.1977		
08	Nguyễn Thị Xuân	con	nữ	1960	021816521		27.8.1979		
09	Nguyễn Hồng Hoài Linh	cháu	nữ	1979			15.12.1979		
10	Nguyễn Quang Bình	con	nam	1962			6.8.84		
11	Nguyễn Văn Gớt	chồng	nam	1928	022676781		30.8.84		
12	Nguyễn Văn Bình	con	nam	1957			01.02.86		
13	Nguyễn Hồng Hoài Trinh	cháu	nữ	13.2.1986			5.3.1986		
14	Nguyễn Văn Trí	con	nam	1961			18.10.86		
15	Nguyễn Thị Thanh Huyền	cháu	nữ	1988			31.5.88		
16	Chú Bùi Hữu	cháu	nam	1989			23.5.89		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 660190.....CN

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ LIÊN

Ấp, ngõ, số nhà: 119/15

Thị trấn, đường phố: Mã Thới An

Xã, phường: Tân Thới Hiệp

Huyện, quận: Quận 12

Ngày 10 tháng 05 năm 1982

Trưởng công an: Quận 12

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Liên	chủ hộ	nữ	1930					
02	Nguyễn Văn Đạt	con	nam	5.5.1952	022596618				
03	Nguyễn Thị Thanh	con	nữ	17.8.1954					
04	Nguyễn Thị Ngọc Nga	con	nữ	23.1.1965					
05	Nguyễn Thanh Tâm	cháu nội	nam	19.12.1972					
06	Nguyễn Thị Thu Tâm	cháu nội	nữ	8.5.1975			01.12.1976		
07	Nguyễn Quốc Khoa	cháu ngoại	nam	29.5.1977			13.6.1977		
08	Nguyễn Thị Xuân	con	nữ	1960	021816521		27.8.1979		
09	Nguyễn Ngọc Hoài Linh	cháu	nữ	1973			15.12.1979		
10	Nguyễn Quang Bình	con	nam	1962			6.8.84		
11	Nguyễn Văn Đạt	cháu	nam	1928	022676781		30.8.84		
12	Nguyễn Văn Bình	con	nam	1957			01.02.86		
13	Nguyễn Ngọc Hoài Linh	cháu	nữ	13.2.1986			5.3.86		
14	Nguyễn Văn Đạt	con	nam	1961			18.10.86		
15	Nguyễn Thị Thanh Tâm	cháu	nữ	1988			31.5.88		
16	Chị Bùi Thị Hương	cháu	nam	1989			23.5.89		

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ
République de Viet-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Secrétariat de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Judiciaire de Sud Viet-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ' TOÀ SO'-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE SAIGON) *bu*

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 1955 (BỰC NHỚT)
(Extrait du registre des actes de mariage de l'année) (degré)

LÀNG LONG TRƯỜNG, TỈNH GIADINH (NAM PHÂN)
(du village de) (Province de) (Sud-Vietnam)

NĂM 1955 SỐ HIỆU 129
(Année) (Acte N°)

Tên, họ người chồng Nom et prénoms de l'éoux	NGUYỄN VĂN TỰ
Sinh tại chỗ nào lieu de sa naissance	Tập Ngãi (Tràvinh)
Sinh ngày nào Date de sa naissance	1928
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-văn-Dân (chết)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Trương-thị-Linh (chết)
Tên, họ người vợ Nom et prénoms de l'épouse	Nguyễn-thị-Liên
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	Vợ chánh
Sinh tại chỗ nào lieu de naissance	Long-đức (Tràvinh)
Sinh ngày nào Date de sa naissance	1930
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-văn-Dư (chết)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Lâm-thị-Điện (chết)
Ngày kết-hôn Date de mariage	1.12.1955

Chúng tôi
Nous
được Chánh-án Toà Saigon u. n.
Président du Tribunal
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de
ông
M.

Chánh Lục-sự Toà Án Sở tại.
Greffier en chef dudit tribunal
MUEN, TÀI THỰC 196

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
Theo quyết định Sở TƯ- PHÁP
Ngày 20-7-1968 của Bộ-Tư- Pháp

Giá tiền: 7500

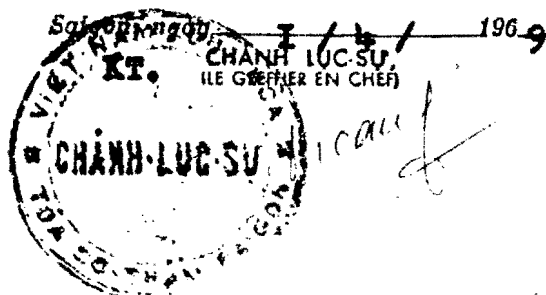
Có

Bản-lai số

Quản lý No

3171

Trích y bản chánh,
(Four extrait conforme),



Trần-thị-Cảnh

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Ministère de la Justice

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{er} INSTANT DE SAIGON)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM
(Extrait du registre des actes de mariage de l'année)

1955

(BƯC NHÚT)
(d'après)

LÀNG LONG-TRƯỜNG,
(du village de)

TỈNH GIADINH
(Province de)

(NAM PHẦN)
(Sud-Viêt-nam)

NĂM 1955
(Année)

SỐ HIỆU 129
(Acte N°)

)

Tên, họ người chồng Nom et prénoms de l'époux	<u>Đ/</u> <u>NGUYỄN VĂN TỰ</u>
Sinh tại chỗ nào Lieu de sa naissance	<u>Tập Ngãi (Tràvinh)</u>
Sinh ngày nào Date de sa naissance	<u>1928</u>
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	<u>Nguyễn-văn-Dân (chết)</u>
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	<u>Trương-thị-Linh (chết)</u>
Tên, họ người vợ Nom et prénoms de l'épouse	<u>Nguyễn-thị-Liên</u>
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	<u>Vợ chánh</u>
Sinh tại chỗ nào Lieu de sa naissance	<u>Long-cổ (Tràvinh)</u>
Sinh ngày nào Date de sa naissance	<u>1930</u>
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	<u>Nguyễn-văn-Dư (chết)</u>
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	<u>Lâm-thị-Điệu (chết)</u>
Ngày kết-hôn Date de mariage	<u>1.12.1955</u>

Chúng tôi
Nous
được Chánh-án Toà Saigon u. n.
Président du Tribunal
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de
ông
M.

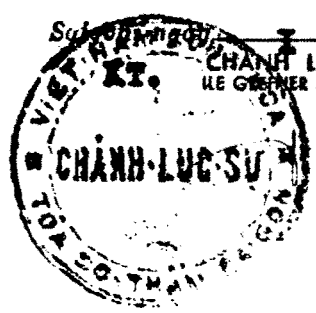
Chánh-Lục-sự Toà Án Sơ tại.
Greffier en chef dudit tribunal

M. T. T. THỰC 196

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Thỏa quyết định S. 11.11.1968
Ngày 20-7-1968 của Bộ-Tư-Pháp

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),



Trần-thị-Cánh

Giá liên: 7\$00

Cố
Biên-lai số
Quản-ly No

3171